

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV23B6** Năm học: **24-25**
Mã MH/MĐ: **MD03015** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Cài đặt và lắp ráp máy vi tính**
Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2					Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2354802035169	Lý Gia	Bảo	29/07/2008				9	7.0	8.0	9.0	7.0		7.5		7.7
2	2354802035170	Hồ Phước	Bi	08/09/2008				8	7.0	9.0	9.0	7.0		7.0		7.4
3	2354802035172	Nguyễn Thành	Hiếu	18/10/2008				8	9.0	10.0	9.0	8.0		9.0		9.0
4	2354802035174	Phan Quốc	Huy	06/04/2008				10	9.0	10.0	9.0	9.0		9.0		9.1
5	2354802035175	Lê Thị	Huyền	28/06/2008				10	8.0	10.0	9.0	9.0		9.0		9.0
6	2354802035176	Huỳnh Nguyễn Hồ	Khải	05/01/2008				9	9.0	9.0	9.0	8.0		8.0		8.3
7	2354802035178	Nguyễn Thanh	Lam	09/06/2008				7	8.0	7.0	7.0	7.0		7.0		7.1
8	2354802035179	Kha Phước	Lộc	24/03/2008				10	9.0	10.0	9.0	9.0		9.0		9.1
9	2354802035181	Phùng Cẩm	Ly	25/08/2008				0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
10	2354802035182	Trần Hạo	Nam	28/05/2008				8	8.0	10.0	9.0	9.0		8.5		8.7
11	2354802035183	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	26/10/2008				9	8.0	9.0	9.0	8.0		8.0		8.2
12	2354802035184	Mai Trí Hữu	Nhân	29/09/2008				8	9.0	9.0	8.0	7.0		7.5		7.8
13	2354802035186	Lê Thị Bảo	Nhi	30/06/2008				10	8.0	7.0	9.0	8.0		8.0		8.1
14	2354802035189	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	30/10/2008				8	8.0	9.0	9.0	7.0		7.5		7.8
15	2354802035190	Nguyễn Thúy	Oanh	15/09/2008				0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
16	2354802035192	Nguyễn Thị Như	Phương	12/11/2008				0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
17	2354802035193	Nguyễn Văn	Quyển	09/12/2006				9	9.0	10.0	9.0	9.0		8.0		8.5
18	2354802035196	Trần Vĩnh	Tài	13/10/2008				10	9.0	9.0	8.0	7.0		8.0		8.2
19	2354802035197	Nguyễn Quốc	Thái	15/04/2008				0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
20	2354802035198	Trần Thị Bảo	Thy	10/11/2008				9	8.0	9.0	9.0	8.0		8.0		8.2
21	2354802035200	Trần Thị Phương	Trinh	22/03/2008				0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 31 tháng 12 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Văn Hiền